TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Tú, bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Nguyễn Thi Thu Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 808/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX ngày 14/01/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 12, phường Trung Thành, thành phố TN, tỉnh TN

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, phường Trung Thành, thành phố TN, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản khác do Tòa án lập, chị Nguyễn Thị B trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Tôi với anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 05/10/2009 tại UBND xã Lương Sơn, thành phố TN, tỉnh TN, nay là phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh TN. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian, sau đã xảy ra những mâu thuẫn không thể khắc phục được do thường xuyên cãi nhau. Do anh thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến vợ con và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T;

2. Về con chung: Có một con là Nguyễn Tú Q, sinh ngày 06/8/2010, hiện nay đang ở với tôi, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi con và yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung: Không có;

4. Về công nợ chung: Vợ chồng tôi có vay của Ngân hàng Hợp Tác – Chi nhánh Hai Bà Trưng, HN số tiền 70.000.000 đồng theo hình thức trả góp. Đến nay còn nợ là 24.370.000 đồng đề nghị Tòa giải quyết chia đôi số nợ này.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh T. Song anh T vẫn không chấp hành và có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án ly hôn do chị B yêu cầu, vì vậy phải đ□a ra xét xử công khai tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Thanh T

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Tú Quyên, sinh ngày 06/8/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn Tùng, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi tranh chấp anh Nguyễn Thanh T Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ 12, phường Trung Thành, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn,đăng ký kết hôn ngày 05/10/2009 tại UBND xã Lương Sơn, thành phố TN, tỉnh TN. Do vậy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian, sau đã xảy ra những mâu thuẫn. Do anh thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến vợ con và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị B làm đơn xin ly hôn nhưng anh không hợp tác. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy tình cảm giữa chị B và anh T không còn, nguyện vọng được ly hôn của chị B là chính đáng nên cần chấp nhận để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một con là Nguyễn Tú Q, sinh ngày 06/8/2010, hiện nay đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dương con là phù hợp vì cháu Quyên có nguyện vọng là khi bố mẹ ly hôn thì được ở với mẹ. Do chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX xem xét buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con B mức lương cơ bản là 1.490.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Vợ chồng chị có vay của Ngân hàng Hợp Tác – Chi nhánh Hai Bà Trưng, HN số tiền 70.000.000 đồng theo hình thức trả góp. Đến nay còn nợ là 24.370.000 đồng chị đề nghị Tòa giải quyết chia đôi số nợ này. Nhưng trước khi mở phiên tòa chị đã có đơn đề nghị xin rút lại yêu cầu này không đề nghị Tòa giải quyết. HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết về khoản nợ này.

[3]Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Chị B, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 235, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Thanh T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Tú Q, sinh ngày 06/8/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.490.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết;

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đ□ợc chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 02 tháng 10 năm 2019 biên lai số: 0002318. Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Huy Hưởng